

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/DS-ST
Ngày 30-11-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 29-7-2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2019/QĐXXST-DS ngày 31-10-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; trụ sở: Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Q - Ngân hàng V, là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền số 1358/UQ-DQU-HCNS ngày 22-11-2019); có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1964, ông Bùi Văn T, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18-6-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14-09-2018, Ngân hàng V cho bà L, ông T vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 942/2018/DQ.QT; thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên; mục đích để bổ sung vốn mua bán hải sản; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm rút vốn đầu tiên, được ghi trên giấy nhận nợ là 9,3%/năm và cố định trong thời hạn cho vay; phương thức trả nợ gốc vào cuối thời hạn vay, trả lãi hàng tháng. Cùng ngày 14-9-2018, bà L, ông T đã nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ số 1075 ngày 14-9-2018). Ngày 26-02-2019, bà L, ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi và ngày 14-8-2019, bà L, ông T vi phạm nghĩa vụ trả gốc.

Để đảm bảo khoản vay, bà L, ông T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 551/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 30-11-2016, được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ, QSHN và TSK) cho bà L, ông T ngày 20-12-2011 (số phát hành 341177, số vào sổ CH 02090).

Tính đến ngày 30-11-2019, bà L, ông T còn nợ Ngân hàng V số tiền 542.359.589 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi và lãi quá hạn là 42.359.589 đồng.

Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông T trả cho Ngân hàng V số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi bà L, ông T trả xong nợ. Trường hợp bà L, ông T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 551/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 30-11-2016 để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà L, ông T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả xong nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn T trình bày:*

Về việc ký kết hợp đồng tín dụng, quá trình trả nợ, số tiền nợ hiện tại cũng như tài sản đảm bảo khoản vay đúng như đại diện Ngân hàng V trình bày.

Do kinh tế khó khăn nên ông chưa trả nợ được cho Ngân hàng V. Ông mong Ngân hàng V tạo điều kiện để ông bà thu xếp việc trả nợ.

** Bị đơn bà Lê Thị L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L, ông T trả cho Ngân hàng V số tiền 542.359.589 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi và lãi quá hạn là 42.359.589 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi bà L, ông T trả xong nợ. Trường hợp bà L, ông T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 551/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 30-11-2016 để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà L, ông T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả xong. Chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà L, ông T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng số 942/2018/DQ.QT ngày 14-9-2018 thể hiện bà L, ông T có vay của Ngân hàng V số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, mục đích để bổ sung vốn mua bán hải sản; lãi suất cho vay 9,3%/năm được ghi trên Giấy nhận nợ và cố định trong thời hạn cho vay. Cùng ngày 14-9-2018, bà L, ông T nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ số 1075 ngày 14-9-2018).

[2.3] Theo hợp đồng thế chấp số 551/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 30-11-2016 thể hiện tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, bao gồm quyền sử dụng đất thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, QSHN và TSK cho bà L, ông T ngày 20-12-2011 (số phát hành 341177, số vào sổ CH 02090).

[2.4] Ông T thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, quá trình trả nợ, số tiền nợ hiện tại cũng như tài sản đảm bảo khoản vay đúng như đại diện Ngân hàng V trình bày.

[2.5] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do Ngân hàng V cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà L, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên toàn bộ nợ vay của bà L, ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, có cơ sở xác định bà L, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V. Vì vậy, việc Ngân hàng V khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà L, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 30-11-2019 là 542.359.589 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi và lãi quá hạn là 42.359.589 đồng; bà L, ông T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01-12-2019 đến khi trả xong khoản vay.

Trong trường hợp bà L, ông T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền

với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì bà L, ông T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Bà L, ông T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng V đã tạm nộp 2.000.000 đồng nên bà L, ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng V.

[2.7] Về án phí: Bà L, ông T phải chịu 25.694.383 đồng án phí dân sự sơ thẩm (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các các Điều 144, 147, 150, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 30-11-2019 là 542.359.589 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tiền nợ lãi và lãi quá hạn là 42.359.589 đồng (bốn mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng); bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 942/2018/DQ.QT ngày 14-9-2018 được ký kết giữa Ngân hàng V và bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T từ ngày 01-12-2019 đến khi trả xong khoản vay .

Trong trường hợp bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh

Quảng Ngãi được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, QSHN và TSK cho bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T ngày 20-12-2011 (số phát hành 341177, số vào sổ CH 02090) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 551/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 30-11-2016 để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong.

2. Bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Ngân hàng V đã tạm nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại Ngân hàng V số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Bà Lê Thị L, ông Bùi Văn T phải chịu phải chịu 25.694.383 đồng (hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí 12.285.370 đồng (mười hai triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001435 ngày 26-7-2019 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0003000 ngày 15-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh